

ĐỀ THI HỌC KÌ I – Đề số 2**Môn: Địa Lí - Lớp 10****Bộ sách: Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập các kiến thức cuối học kì 1 của chương trình sách giáo khoa Địa Lí.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm môn Địa Lí.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức cuối học kì 1 – chương trình Địa Lí 10.

Phần trắc nghiệm (6 điểm) Chọn câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:**Câu 1.** Frông là mặt ngăn cách giữa hai

- A. khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí.
- B. khu vực cao áp khác biệt nhau về trị số áp.
- C. dòng biển nóng và lạnh ngược hướng nhau.
- D. tầng khí quyển khác biệt nhau về tính chất.

Câu 2. Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

Câu 3. Khí áp là sức nén của

- A. không khí xuống mặt Trái Đất.
- B. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
- C. không khí xuống mặt nước biển.
- D. luồng gió xuống mặt nước biển.

Câu 4. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về ôn đới.
- B. cực về ôn đới.
- C. chí tuyến về xích đạo.
- D. cực về xích đạo.

Câu 5. Nước trên lục địa gồm nước ở

- A. trên mặt, nước ngầm.
- B. trên mặt, hơi nước.
- C. nước ngầm, hơi nước.
- D. băng tuyết, sông, hồ.

Câu 6. Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là

- A. mưa.

- B. đầm.
- C. sông.
- D. hồ.

Câu 7. Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

- A. thẳng đứng.
- B. xoay tròn.
- C. chiều ngang.
- D. xô vào bờ.

Câu 8. Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày

- A. trăng tròn và không trăng.
- B. trăng khuyết và không trăng.
- C. trăng khuyết và trăng tròn.
- D. không trăng và có trăng.

Câu 9. Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A. sinh vật.
- B. động vật.
- C. thực vật.
- D. vi sinh vật.

Câu 10. Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

- A. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.
- B. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.
- C. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.
- D. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

Câu 11. Lớp vỏ địa lí là lớp vỏ

- A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.
- B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.
- C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.
- D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

Câu 12. Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại Dương là

- A. độ sâu khoảng 9000m.
- B. phía trên tầng đá badan.
- C. độ sâu khoảng 5000m.
- D. đáy vực thẳm đại Dương.

Câu 13. Quy luật địa ô là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ.
- B. độ cao.
- C. kinh độ.
- D. các mùa.

Câu 14. Quy luật đai cao là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ.
- B. độ cao.
- C. đông tây.
- D. các mùa.

Câu 15. Nhận định nào sau đây **không** đúng với khí quyển?

- A. Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.
- B. Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.
- C. Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.
- D. Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôdôn.

Câu 16. Các vành đai nào sau đây là áp cao?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, cực.
- D. Cực, chí tuyến.

Câu 17. Nhận định nào sau đây đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

- A. Mưa không nhiều ở vùng xích đạo.
- B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.
- C. Mưa không nhiều ở hai vùng ôn đới.
- D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

Câu 18. Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

- A. Lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.
- B. Lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.
- C. Nước ngầm, địa hình, các hồ đầm.
- D. Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.

Câu 19. Nhận định nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Dao động thường xuyên.
- B. Dao động theo chu kì.
- C. Chỉ do sức hút Mặt Trời.
- D. Khác nhau ở các biển.

Câu 20. Nhận định nào sau đây **không** đúng với sinh quyển?

- A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.
- B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
- C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.
- D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây **không** phải của lớp vỏ địa lí?

- A. Gồm 5 lớp vỏ bộ phận xâm nhập, tác động lẫn nhau.
- B. Chiều dày 30-35km trùng với giới hạn của sinh quyển.
- C. Chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên và xã hội.
- D. Thành phần vật chất tồn tại ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

Câu 22. Các quy luật nào sau đây chủ yếu do nội lực tạo nên?

- A. Địa đới, địa ô.
- B. Địa ô, đai cao.
- C. Đai cao, tuần hoàn.
- D. Thống nhất, địa đới.

Câu 23. Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí

- A. đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau.
- B. có tính chất vật lí và hướng khác biệt nhau.
- C. cùng hướng gió và cùng tính chất lạnh khô.
- D. có tính chất lạnh ẩm và hướng ngược nhau.

Câu 24. Nhận định nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Là dao động của các khối nước biển và đại dương.
- B. Bất kì biển và đại dương nào trên Trái Đất đều có.
- C. Dao động thủy triều lớn nhất vào ngày không trăng.
- D. Dao động thủy triều nhỏ nhất vào ngày trăng tròn.

Phần tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2,5 điểm). Trình bày về thời gian hoạt động, nguồn gốc hình thành, hướng và tính chất của gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió mùa.

.....

.....

.....

Câu 2 (1,5 điểm). Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật phi địa đới.

.....

.....

.....

----- Hết -----

**Phần trắc nghiệm**

1.A	2.C	3.A	4.A	5.A	6.C	7.A	8.A
9.C	10.B	11.A	12.D	13.C	14.B	15.D	16.D
17.B	18.A	19.C	20.C	21.C	22.B	23.A	24.D

Câu 1. Frông là mặt ngăn cách giữa hai

- A. khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí.
- B. khu vực cao áp khác biệt nhau về trị số áp.
- C. dòng biển nóng và lạnh ngược hướng nhau.
- D. tầng khí quyển khác biệt nhau về tính chất.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm Frông

Lời giải

Frông là mặt ngăn cách giữa hai khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí.

Đáp án A.

Câu 2. Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

- A. xích đạo và chí tuyến.
- B. chí tuyến và ôn đới.
- C. ôn đới và cực.
- D. cực và xích đạo.

Phương pháp

Frông địa cực (FA) được hình thành ở khoảng vĩ độ 60. Từ vị trí của frông địa cực (FA) xác định các khối khí nằm hai bên mặt ngăn cách của frông này

Lời giải

Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí ôn đới và cực.

Đáp án C.

Câu 3. Khí áp là sức nén của

- A. không khí xuống mặt Trái Đất.
- B. luồng gió xuống mặt Trái Đất.
- C. không khí xuống mặt nước biển.
- D. luồng gió xuống mặt nước biển.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về khái niệm của khí áp.

Lời giải

Khí áp là sức nén của không khí xuống mặt Trái Đất.

Đáp án A.

Câu 4. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về ôn đới.
- B. cực về ôn đới.

C. chỉ tuyến về xích đạo.

D. cực về xích đạo.

Phương pháp

Xác định phạm vi hoạt động của gió Tây ôn đới.

Lời giải

Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao chí tuyến về áp thấp ôn đới.

Đáp án A.

Câu 5. Nước trên lục địa gồm nước ở

A. trên mặt, nước ngầm.

B. trên mặt, hơi nước.

C. nước ngầm, hơi nước.

D. băng tuyết, sông, hồ.

Phương pháp

Xác định nước trên lục địa là gồm các nguồn nước nào.

Lời giải

Nước trên lục địa gồm nước ở trên mặt, nước ngầm.

Đáp án A.

Câu 6. Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là

A. mưa.

B. đầm.

C. sông.

D. hồ.

Phương pháp

Nắm chắc các khái niệm của chương 4 thủy quyển.

Lời giải

Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là sông.

Đáp án C.

Câu 7. Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

A. thẳng đứng.

B. xoay tròn.

C. chiều ngang.

D. xô vào bờ.

Phương pháp

Xác định khái niệm sóng

Lời giải

Sóng là một hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng, nhưng lại cho người ta cảm giác là nước biển chuyển động theo chiều ngang từ ngoài xô vào bờ.

Đáp án A.

Câu 8. Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày

A. trăng tròn và không trăng.

B. trăng khuyết và không trăng.

C. trăng khuyết và trăng tròn.

D. không trăng và có trăng.

Phương pháp

Nguyên nhân hình thành thủy triều do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.

Xác định ảnh hưởng của vị trí Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất tới dao động thủy triều trong tháng.

Lời giải

Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày trăng tròn và không trăng khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất nằm thẳng hàng

Đáp án A.

Câu 9. Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

A. sinh vật.

B. động vật.

C. thực vật.

D. vi sinh vật.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm của độ phì

Lời giải

Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật sinh trưởng và phát triển

Đáp án C.

Câu 10. Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

A. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.

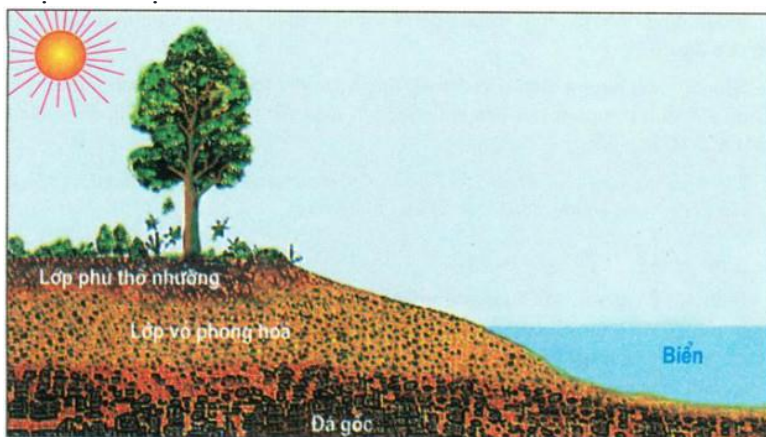
B. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.

C. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.

D. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

Phương pháp

Quan sát hình ảnh và xác định thứ tự



Hình 17 – Vị trí lớp phủ thổ nhưỡng ở lục địa

Lời giải

Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.

Đáp án B.

Câu 11. Lớp vỏ địa lí là lớp vỏ

A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.

B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.

D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

Phương pháp

Xác định khái niệm lớp vỏ địa lí

Lời giải

Lớp vỏ địa lí là lớp vỏ của Trái Đất, ở đó các lớp vỏ bộ phận (khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển) xâm nhập và tác động lẫn nhau.

Đáp án A.

Câu 12. Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại Dương là

- A. độ sâu khoảng 9000m.
- B. phía trên tầng đá badan.
- C. độ sâu khoảng 5000m.
- D. đáy vực thẳm đại Dương.

Phương pháp

Xác định chiều dày của lớp vỏ địa lí từ đó chỉ ra giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương.

Lời giải

Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương là đáy vực thẳm đại dương.

Đáp án D.

Câu 13. Quy luật địa ô là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ.
- B. độ cao.
- C. kinh độ.
- D. các mùa.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về các qui luật địa lí trên Trái Đất.

Lời giải

Quy luật địa ô là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo kinh độ .

Đáp án C.

Câu 14. Quy luật đai cao là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

- A. vĩ độ.
- B. độ cao.
- C. đông tây.
- D. các mùa.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về các qui luật địa lí trên Trái Đất.

Lời giải

Quy luật đai cao là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo độ cao địa hình.

Đáp án B.

Câu 15. Nhận định nào sau đây **không** đúng với khí quyển?

- A. Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.
- B. Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.
- C. Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.
- D. Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôdôn.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”

Nắm chắc các kiến thức về khí quyển

Lời giải

Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất, luôn chịu ảnh hưởng của Vũ trụ, trước hết là Mặt Trời. Khí quyển rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật trên Trái Đất, đồng thời là lớp vỏ bảo vệ Trái Đất.

⇒ Nhận định không đúng là “Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôdôn.”

Đáp án D.

Câu 16. Các vành đai nào sau đây là áp cao?

- A. Xích đạo, chí tuyến.
- B. Chí tuyến, ôn đới.
- C. Ôn đới, cực.
- D. Cực, chí tuyến.

Phương pháp

Xác định các vành đai áp thấp và vành đai áp cao trên Trái Đất

Lời giải

Các vành đai áp cao là đai áp cao Chí tuyến và đai áp cao Cực.

Đáp án D.

Câu 17. Nhận định nào sau đây đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

- A. Mưa không nhiều ở vùng xích đạo.
- B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.
- C. Mưa không nhiều ở hai vùng ôn đới.
- D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

Phương pháp

Xác định sự phân bố mưa trên Trái Đất

Lời giải

Nhận định đúng là “Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến” bởi khu vực chí tuyến chịu ảnh hưởng của áp cao cận chí tuyến hoạt động thường xuyên với cường độ mạnh, ảnh hưởng của gió Mậu Dịch khô nóng, thảm thực vật kém phát triển, bề mặt đệm chủ yếu là lục địa,...

Đáp án B.

Câu 18. Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

- A. Lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.
- B. Lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.
- C. Nước ngầm, địa hình, các hồ đầm.
- D. Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.

Phương pháp

Tổng lượng nước sông chịu tác động chủ yếu bởi yếu tố nguồn cung cấp nước.

Lời giải

Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.

Đáp án A.

Câu 19. Nhận định nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Dao động thường xuyên.
- B. Dao động theo chu kì.
- C. Chỉ do sức hút Mặt Trời.
- D. Khác nhau ở các biển.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”.

Nắm chắc kiến thức liên quan đến thủy triều.

Lời giải

Nhận định không đúng là nhận định “Chỉ do sức hút của Mặt Trời” bởi thủy triều chịu ảnh hưởng bởi sức hút tạo ra bởi Mặt Trăng, Mặt Trời đối với Trái Đất.

Đáp án C.

Câu 20. Nhận định nào sau đây **không** đúng với sinh quyển?

- A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.
- B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
- C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.
- D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”

Nắm chắc các kiến thức liên quan đến sinh quyển.

Lời giải

Nhận định không đúng là nhận định “Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất”

Đáp án C.

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây **không** phải của lớp vỏ địa lí?

- A. Gồm 5 lớp vỏ bộ phận xâm nhập, tác động lẫn nhau.
- B. Chiều dày 30-35km trùng với giới hạn của sinh quyển.
- C. Chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên và xã hội.
- D. Thành phần vật chất tồn tại ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

Phương pháp

Xác định các đặc điểm của lớp vỏ địa lí.

Chú ý từ khóa “không”

Lời giải

Đặc điểm không phải của lớp vỏ địa lí là “Chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên và xã hội”, lớp vỏ địa lí là thành phần tự nhiên, không chịu chi phối bởi các quy luật xã hội

Đáp án C.

Câu 22. Các quy luật nào sau đây chủ yếu do nội lực tạo nên?

- A. Địa đới, địa ô.
- B. Địa ô, đai cao.
- C. Đai cao, tuần hoàn.
- D. Thống nhất, địa đới.

Phương pháp

Xác định nguyên nhân hình thành nên các quy luật địa lí, từ đó chỉ ra nguyên nhân đó là yếu tố nội lực hay ngoại lực.

Lời giải

Các quy luật địa ô và đai cao chủ yếu do nội lực tạo nên.

Đáp án B.

Câu 23. Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí

- A. đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau.
- B. có tính chất vật lí và hướng khác biệt nhau.
- C. cùng hướng gió và cùng tính chất lạnh khô.

D. có tính chất lạnh ẩm và hướng ngược nhau.

Phương pháp

Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở khu vực xích đạo. Xích đạo chỉ tồn tại các khối khí đại dương nóng ẩm vì vậy dải hội tụ nhiệt đới được tạo nên từ các khối khí có cùng tính chất vật lí (nóng ẩm).

Lời giải

Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau.

Đáp án A.

Câu 24. Nhận định nào sau đây **không** đúng với dao động của thủy triều?

- A. Là dao động của các khối nước biển và đại dương.
- B. Bất kì biển và đại dương nào trên Trái Đất đều có.
- C. Dao động thủy triều lớn nhất vào ngày không trăng.
- D. Dao động thủy triều nhỏ nhất vào ngày trăng tròn.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không đúng”.

Nắm chắc kiến thức về triều cường, triều kém (dao động thủy triều lớn nhất/ nhỏ nhất).

Lời giải

Nhận định không đúng là nhận định “Dao động thủy triều nhỏ nhất vào ngày trăng tròn” do vào ngày trăng khuyết, ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất nằm vuông góc với nhau, lực hút tạo ra nhỏ, dao động của thủy triều nhỏ.

Đáp án D.

Phân tự luận

CÂU	NỘI DUNG				ĐIỂM
1	Đặc điểm của một số loại gió trên thế giới				
	Loại gió	Gió Mậu dịch	Gió Tây ôn đới	Gió mùa	
	Thời gian hoạt động	Quanh năm.	Quanh năm.	Theo mùa.	
	Nguồn gốc hình thành	Sự chênh lệch giữa áp cao cận nhiệt và áp thấp xích đạo.	Sự chênh lệch giữa áp cao cận nhiệt và áp thấp ôn đới.	Do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.	
Phạm vi hoạt động	Từ xích đạo đến vĩ độ 300 ở cả hai bán cầu (bán cầu Bắc và bán cầu Nam).	Từ vĩ độ 300 đến vĩ độ 600 ở cả hai bán cầu (bán cầu Bắc và bán cầu Nam).	Một số khu vực thuộc đới nóng và một số nơi thuộc vĩ độ trung bình. Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực có hoạt động của gió mùa điển hình.	0,5 0,5	

	Hướng gió	Đông Bắc (bán cầu bắc) và Đông Nam (bán cầu nam).	Tây là chủ yếu (bán cầu bắc: Tây Nam, bán cầu Nam: Tây Bắc).	Có sự khác nhau từng khu vực và mùa.	0,5
	Tính chất	Khô, ít mưa.	Ấm cao, đềm mưa nhiều.	Mùa đông có tính chất khô, mùa hạ có tính chất ẩm.	0,5
2	<p>* Khái niệm: Quy luật phi địa đới là quy luật về sự phân bố của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo kinh độ và theo độ cao.</p> <p>* Biểu hiện của quy luật</p> <p>- Theo kinh độ (quy luật địa ô)</p> <p>+ Quy luật địa ô là sự thay đổi của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo kinh độ.</p> <p>+ Sự phân bố lục địa và đại dương làm cho khí hậu và kéo theo một số thành phần tự nhiên (nhất là thảm thực vật) thay đổi từ đông sang tây. Gần biển có tính chất đại dương rõ rệt, càng vào sâu trung tâm lục địa thì tính chất lục địa càng tăng.</p> <p>- Theo đai cao (quy luật đai cao)</p> <p>+ Quy luật đai cao là sự thay đổi của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo độ cao địa hình.</p> <p>+ Sự thay đổi nhiệt ẩm theo độ cao ở miền núi kéo theo sự phân bố các vành đai thực vật và nhóm đất theo độ cao địa hình.</p> <p>* Ý nghĩa thực tiễn: Hiểu biết về sự phân hoá của tự nhiên theo kinh độ và đai cao cho phép xác định được các định hướng chung và biện pháp cụ thể để ứng xử với tự nhiên một cách hợp lí trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống hằng ngày.</p>				0,25
					0,75
					0,5

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiai